FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,550
SL cổ phiếu LH	162,528,081
KLGD BQ 20 phiên (CP)	683,255
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,665
P/E	24.8
EPS	661

	YTD	1T	3T	6T
AGG	6.1%	-1.8%	2.2%	-2.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

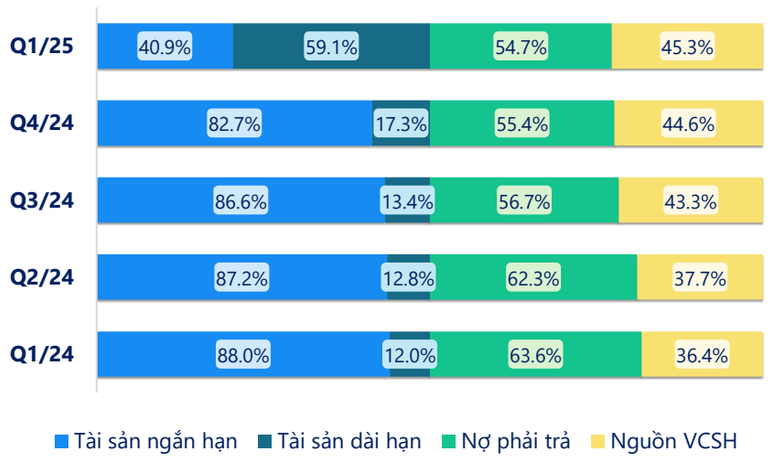

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

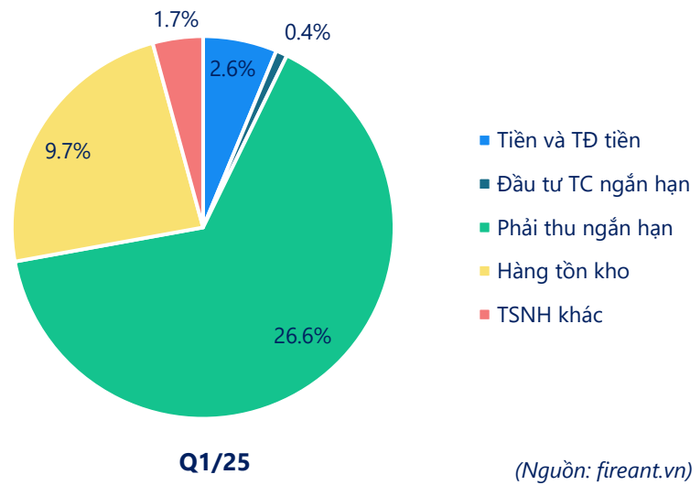

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

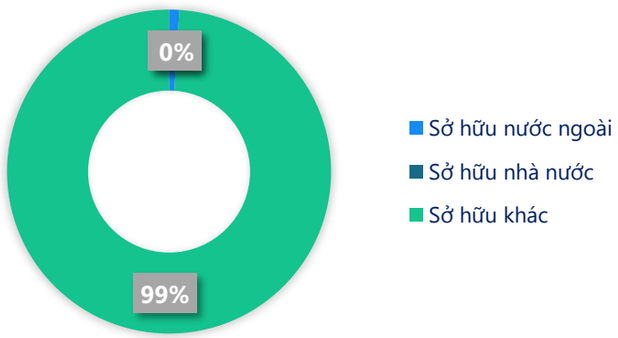

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

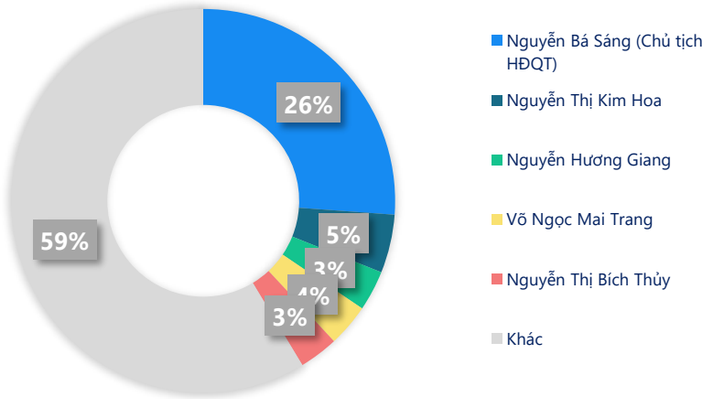

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

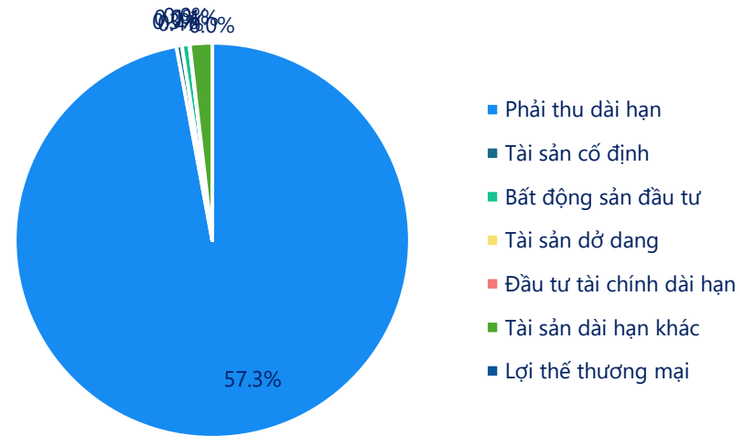

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Tiền và tương đương tiền

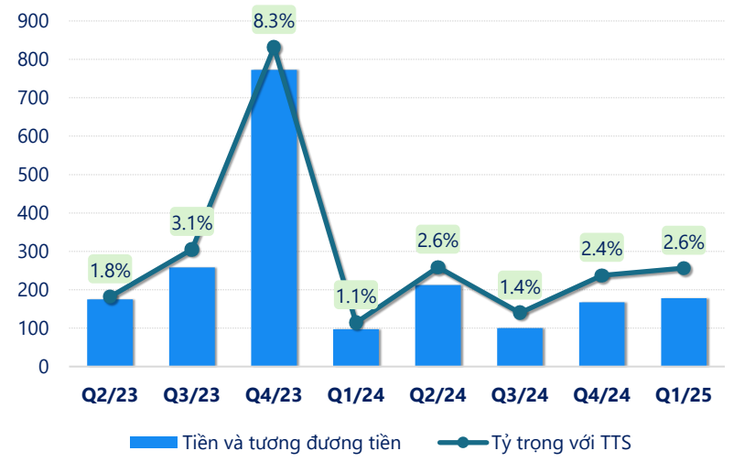

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

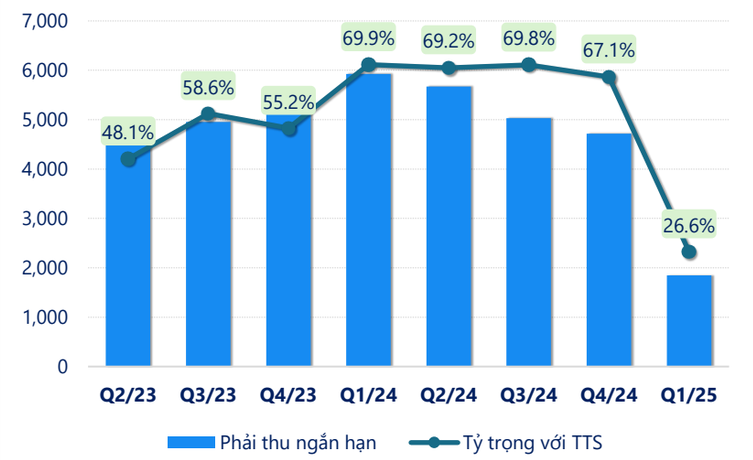

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

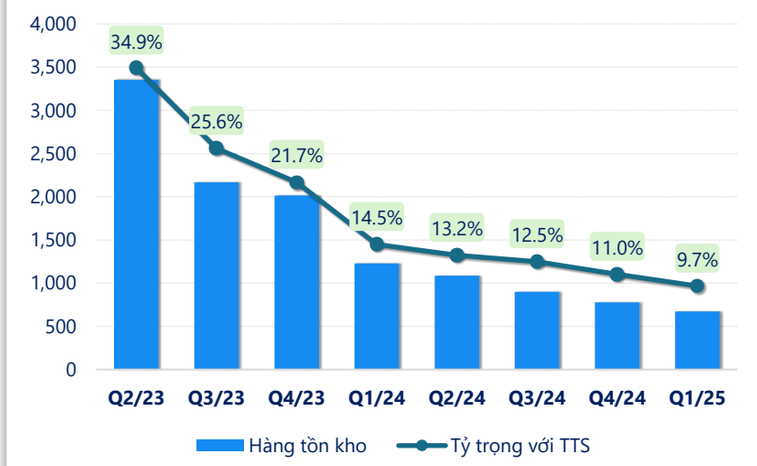

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

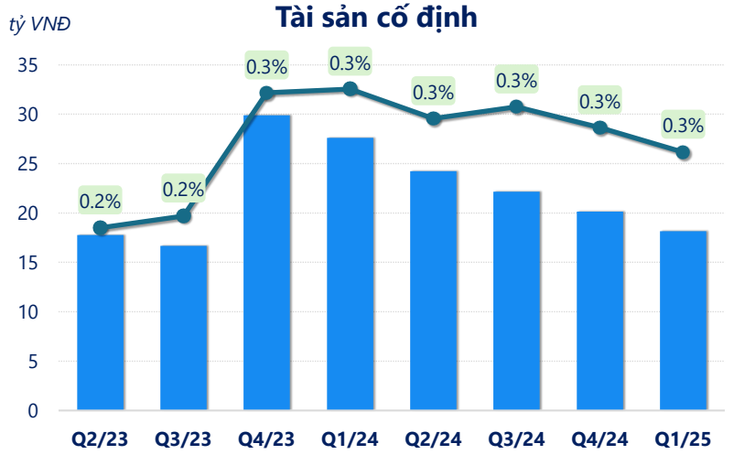

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

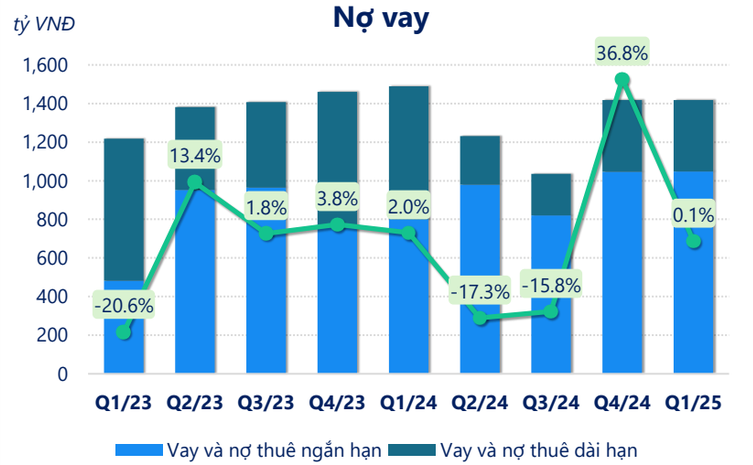

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

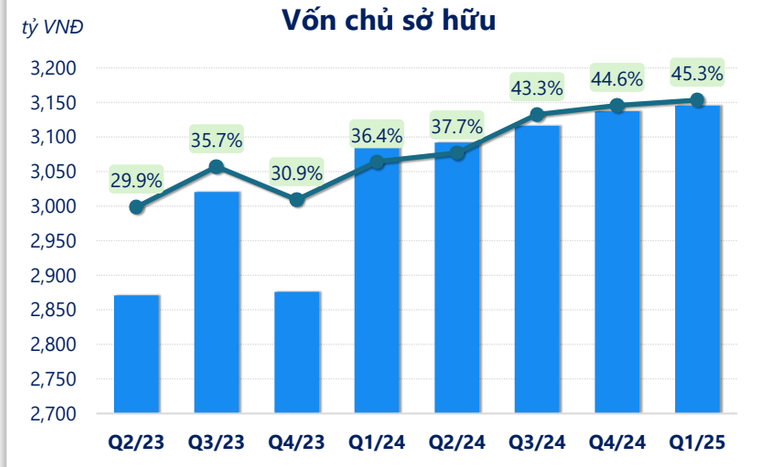

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

Kết quả kinh doanh

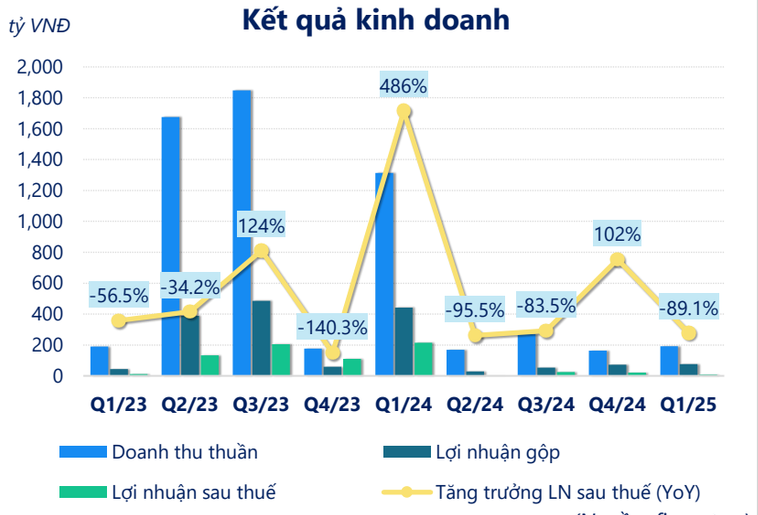

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

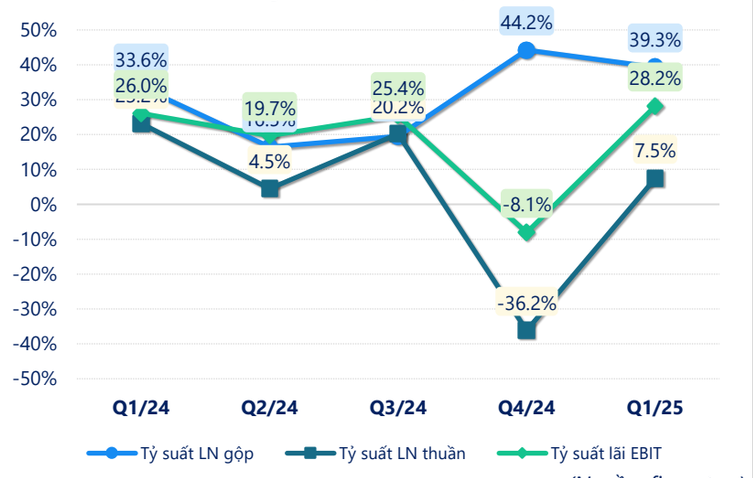

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

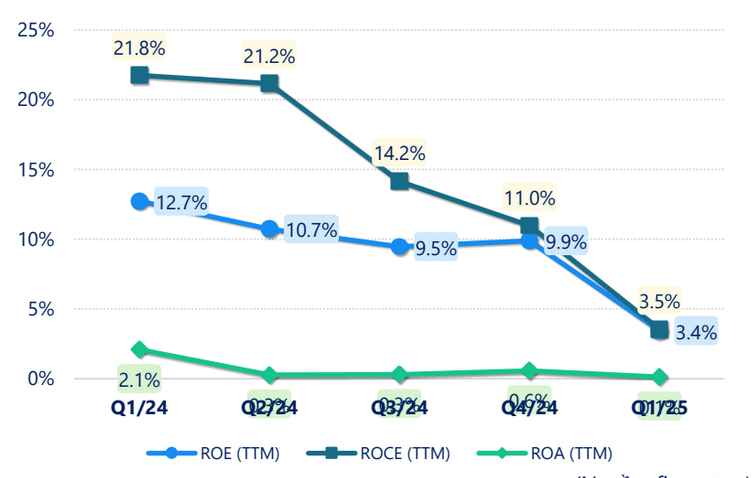

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

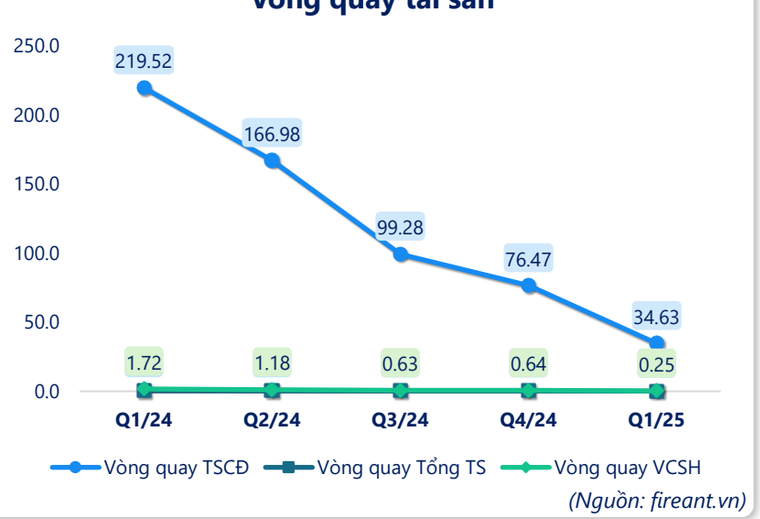

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

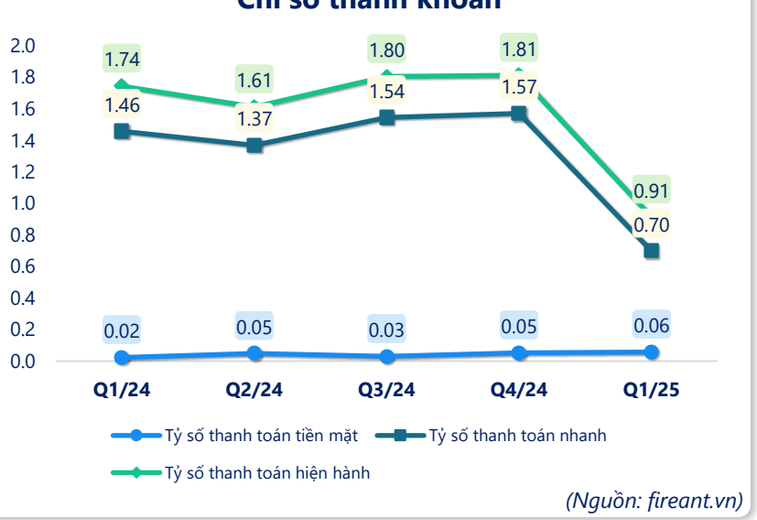

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

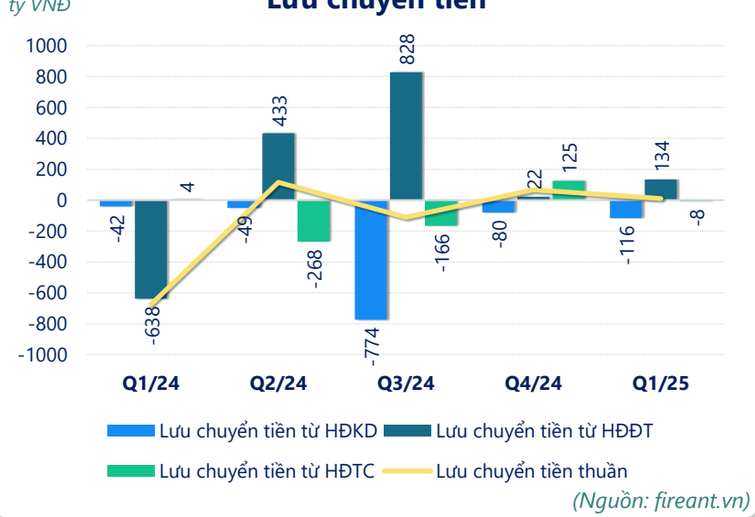

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,937**	**7,035**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,841	5,819	-51.2%
Tiền và tương đương tiền	178	167	6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.3	30.1	-9.3%
Phải thu ngắn hạn	1,844	4,717	-60.9%
Hàng tồn kho	671	776	-13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	121	128	-5.9%
Tài sản dài hạn	**4,096**	**1,216**	**237%**
Phải thu dài hạn	3,977	1,087	266%
Tài sản cố định	18.2	20.2	-9.9%
Bất động sản đầu tư	25.3	31.8	-20.3%
Tài sản dở dang	1.17	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**74.8**	**77.6**	**-3.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,792	3,898	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**3,109**	**3,211**	**-3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,047	1,046	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	252	286	-12.0%
Nợ dài hạn	683	688	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	371	371	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,145**	**3,137**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**3,145**	**3,137**	**0.3%**
Vốn điều lệ	1,625	1,625	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,313	169	268	163	192
Giá vốn hàng bán	872	141	216	91.0	116
Lợi nhuận gộp	441	27.8	52.5	72.2	75.4
Doanh thu HĐTC	108	109	116	72.6	32.2
Chi phí TC	76.1	79.6	40.1	159	46.8
Chi phí lãi vay	33.6	30.7	25.5	38.4	34.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	143	26.2	47.6	29.9	27.9
Chi phí QLDN	26.5	23.2	26.2	15.2	18.6
LN thuần từ HĐKD	304	7.57	54.2	-59.0	14.3
Lợi nhuận khác	4.08	-5.01	-11.7	7.40	5.33
LN trước thuế	308	2.56	42.6	-51.6	19.6
Lợi nhuận sau thuế	214	1.56	24.2	21.1	8.07
LNST của CĐ cty mẹ	200	25.5	24.3	47.5	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.7	-49.4	-774	-80.1	-116
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-638	433	828	22.0	134
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.70	-268	-166	125	-7.61
Tiền đầu kỳ	772	96.9	212	100	167
Lưu chuyển tiền thuần	**-675**	**115**	**-112**	**66.8**	**10.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	96.9	212	100	167	178

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic